SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI **TTYT HOÀI NHƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1330 /TTHN-TMS V/v mời khảo sát, cung cấp báo giá trang phục y tế năm 2026	*Tam Quan, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, may mặc và cung cấp trang phục y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về trang phục y tế;

Để có cơ sở khảo sát giá thị trường, xác định giá gói thầu và hoàn thiện hồ sơ mua sắm trang phục y tế năm 2026, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn kính mời các tổ chức, doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm quan tâm khảo sát và cung cấp báo giá theo danh mục, số lượng dự kiến và yêu cầu dưới đây:

1. Thông tin và danh mục hàng hóa đề nghị báo giá

1.1. Đơn vị có nhu cầu: Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai.

1.2. Phạm vi: Mua sắm trang phục y tế may đo theo chức danh, vị trí công việc; bao gồm vật liệu, cắt may, đo số đo, thử/chỉnh sửa, hoàn thiện, in hoặc thêu logo đối với nhóm được yêu cầu và giao hàng tại Trung tâm.

1.3. Danh mục, số lượng dự kiến theo Quyết định số 578/QĐ-TTHN ngày 04/11/2026:

STT	Tên nhóm trang phục	ĐVT	Số lượng dự kiến	Căn cứ quy cách
1	Trang phục bác sĩ nam, nữ; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	28	Điều 4 Thông tư 45/2015/TT-BYT
2	Trang phục dược sĩ nam, nữ; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	10	Điều 7

3	Trang phục điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ nam, nữ; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	50	Điều 5
4	Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân làm việc chuyên môn tại khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	41	Điều 6
5	Trang phục hộ lý; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	12	Điều 10
6	Trang phục nhân viên bảo vệ nam; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	2	Điều 12
7	Trang phục lái xe nam; kèm mũ và in logo Trung tâm	Bộ	2	Điều 13 nếu là lái xe ô tô cấp cứu; trường hợp khác xác định theo Điều 16
8	Trang phục kỹ sư, nhân viên kỹ thuật điện, nước, thiết bị y tế	Bộ	2	Điều 13 đối với kỹ sư thiết bị/nhân viên bảo trì; trường hợp khác xác định theo Điều 16
9	Trang phục hành chính nữ (áo sơ mi và chân váy hoặc quần âu dài)	Bộ	37	Điều 11
10	Trang phục hành chính nam (áo sơ mi và quần âu dài)	Bộ	18	Điều 11
	TỔNG CỘNG (10 nhóm trang phục)	**Bộ**	**202**	

Lưu ý: Số lượng 202 bộ là số lượng dự kiến theo Quyết định số 578/QĐ-TTHN. Trung tâm đang rà soát đối tượng được cấp, số bộ đã cấp, nhu cầu cấp bổ sung, giới tính và cỡ số theo Điều 27 Thông tư 45/2015/TT-BYT. Nhà cung cấp đề nghị báo giá đơn giá theo từng nhóm, tách đơn giá nam/nữ hoặc phương án kiểu dáng khi có khác biệt; số lượng và cơ cấu cỡ số chính thức sẽ được xác nhận trong hồ sơ lựa chọn nhà thầu sau khi Trung tâm hoàn tất rà soát và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Yêu cầu kỹ thuật và chất lượng hàng hóa

2.1. Trang phục phải đáp ứng Điều 3 Thông tư số 45/2015/TT-BYT: an toàn, thuận tiện khi thao tác; chất liệu ít nhăn, dễ giặt, dễ là/ủi, dễ khử khuẩn, thấm mồ hôi, phù hợp khí hậu; màu sắc, kiểu dáng hài hòa, lịch sự, trang nhã, kín đáo và phù hợp chức danh, công việc. Không sử dụng biểu tượng Chữ thập đỏ trái quy định.

2.2. Màu sắc, kiểu dáng, chất liệu cơ bản của từng nhóm thực hiện theo Phụ lục 01 và điều khoản tương ứng của Thông tư số 45/2015/TT-BYT. Nhà cung cấp nêu rõ loại vải, thành phần, định lượng (nếu có), màu sắc, kết cấu, phụ liệu và gửi hình ảnh/tài liệu kỹ thuật hoặc mẫu vải để Trung tâm xem xét.

2.3. Hàng hóa mới 100%, may đúng số đo/cỡ số được Trung tâm xác nhận; đường may chắc chắn, không lỗi, không loang màu, không co rút bất thường khi sử dụng, giặt theo hướng dẫn. Nhà cung cấp tổ chức đo, thử, chỉnh sửa và hoàn thiện trước nghiệm thu.

2.4. Logo chỉ áp dụng cho các nhóm có ghi yêu cầu in logo tại khoản 1.3; Trung tâm cung cấp tệp logo và xác nhận vị trí, kích thước, màu sắc trước sản xuất hàng loạt. Khuy cài biển tên, mũ thực hiện theo Thông tư 45 và danh mục được duyệt. Biển tên cá nhân, giày/dép và vật dụng không nằm trong Quyết định 578 không thuộc phạm vi báo giá này.

3. Yêu cầu về nội dung báo giá và tài liệu kèm theo

- Báo giá ghi đầy đủ tên đơn vị, địa chỉ, mã số thuế, người đại diện/người được ủy quyền, thông tin liên hệ; ngày phát hành, thời hạn hiệu lực và chữ ký hợp lệ theo quy định.

- Báo giá đơn giá cho từng nhóm trang phục; tách riêng đơn giá bộ nam, bộ nữ nếu khác nhau; đối với trang phục hành chính nữ, báo giá riêng phương án chân váy và quần âu; đối với điều dưỡng/hộ sinh nữ, nếu chào phương án áo liền váy thì báo giá riêng, không gộp chung với bộ áo-quần.

- Ghi rõ đơn giá chưa thuế, thuế GTGT (nếu thuộc đối tượng chịu thuế và mức thuế áp dụng), giá đã có thuế; chi phí đo may, thử, chỉnh sửa, in/thêu logo (nếu có), đóng gói, vận chuyển, giao hàng và các chi phí liên quan.

- Nêu rõ chất liệu, thành phần/định lượng vải, màu sắc, quy cách, phụ liệu, bảng size hoặc phương án may đo; thời gian đo, may mẫu, thử mẫu, sản xuất và giao hàng; điều kiện đổi, sửa sản phẩm không đúng số đo hoặc lỗi kỹ thuật.

- Đính kèm hồ sơ giới thiệu năng lực, kinh nghiệm may/cung cấp trang phục tương tự; hình ảnh/catalogue, tài liệu kỹ thuật, mẫu vải (nếu có) và cam kết về chất lượng, tiến độ.

- Nêu rõ điều kiện bảo hành/sửa lỗi đường may, lỗi vải, sai số đo và thời gian xử lý; các khoản phụ thu theo cỡ số đặc biệt (nếu có) phải công khai cụ thể. Đề nghị báo giá có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận báo giá.

4. Hình thức, thời hạn và địa điểm tiếp nhận báo giá

4.1. Hình thức: Trung tâm đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại https://muasamcong.mof.gov.vn; nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo trực tiếp trên Hệ thống. Báo giá giấy, thư điện tử hoặc bưu điện không thay thế việc gửi báo giá trên Hệ thống theo điểm d khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

4.2. Thời hạn: Từ thời điểm đăng tải đến hết 17 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 11 năm 2026; bảo đảm tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải theo điểm d khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP.

4.3. Địa điểm khảo sát, đo may và giao hàng: Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai. Nhà cung cấp liên hệ trước để thống nhất lịch; không tự ý vào khu vực chuyên môn hoặc tiếp xúc người bệnh khi chưa được phép.

4.4. Đầu mối: Tổ mua sắm/Phòng Tổ chức - Hành chính; điện thoại: 0256.3865.213; email: truongttythn@gmail.com. Báo giá chính thức phải gửi theo khoản 4.1.

5. Mục đích sử dụng báo giá

Báo giá được sử dụng để khảo sát giá thị trường, xác định giá gói thầu và hoàn thiện hồ sơ mua sắm; việc gửi báo giá không làm phát sinh cam kết lựa chọn nhà cung cấp hoặc ký hợp đồng. Trung tâm trân trọng cảm ơn./.

(Công văn này thay thế Công văn số 1327/TTHN-TMS ngày 04/11/2026 của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc đơn vị;
- Trang Website muasamcong;
- Trang TTĐT của đơn vị;
- Lưu: VT, TCKT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ HOÀI NHƠN

Trần Hữu Vinh

PHỤ LỤC 01

YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN ĐỐI VỚI CÁC NHÓM TRANG PHỤC Y TẾ

(Kèm theo Công văn số 1330/TTHN-TMS ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn)

Các mô tả dưới đây là yêu cầu cơ bản theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT và Quyết định số 578/QĐ-TTHN. Nhà cung cấp phải nêu rõ giải pháp vải, phụ liệu, quy cách và phương án đáp ứng; không được tự thay đổi chức danh, màu sắc hoặc kiểu dáng bắt buộc của Thông tư.

1. Bác sĩ nam, nữ (28 bộ) - Điều 4

Áo blouse màu trắng, cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay theo mùa, chiều dài ngang gối, phía trước 03 túi, có khuy cài biển công tác ở ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần âu màu trắng; nam có 01 túi sau. Mũ cùng màu và chất liệu với áo. Chất liệu hè thu: kate hoặc cotton; đông xuân: cotton hoặc gabardine; quần: cotton, gabardine hoặc kaki. In/thêu logo Trung tâm theo thiết kế được cung cấp.

2. Dược sĩ nam, nữ (10 bộ) - Điều 7

Áo blouse màu trắng, 02 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay theo mùa, dài ngang gối; phía trước 02 túi chéo và 01 túi ngực, có khuy cài biển công tác ở ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần âu màu trắng; nam có 01 túi sau. Mũ cùng màu và chất liệu với áo. Chất liệu hè thu: kate hoặc cotton; đông xuân: cotton hoặc gabardine; quần: cotton/gabardine/kaki. In/thêu logo Trung tâm.

3. Điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ nam, nữ (50 bộ) - Điều 5

Áo màu trắng, 02 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay theo mùa, dài ngang mông, 02 túi phía trước, có khuy cài biển công tác ở ngực trái; túi, tay áo và cổ áo có viền xanh dương rộng 0,5 cm. Quần âu màu trắng; nam có 01 túi sau. Mũ cùng màu, chất liệu với áo. Chất liệu hè thu: kate/cotton; đông xuân: cotton/gabardine; quần: cotton/gabardine/kaki.

4. Kỹ thuật viên, cử nhân chuyên môn tại khoa/phòng lâm sàng, cận lâm sàng (41 bộ) - Điều 6

Áo màu trắng, cổ 02 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay theo mùa, dài ngang mông, 03 túi phía trước, có khuy cài biển công tác ở ngực trái. Quần âu màu trắng; nam có 01 túi sau. Mũ cùng màu và chất liệu với áo. Chất liệu hè thu: kate/cotton; đông xuân: cotton/gabardine; quần: cotton/gabardine/kaki. In/thêu logo Trung tâm.

5. Hộ lý (12 bộ) - Điều 10

Áo màu xanh hòa bình; hè thu ngắn tay, cổ trái tim, cài cúc giữa, dài ngang mông, 02 túi phía trước, có khuy cài biển tên ở ngực trái; đông xuân dài tay cùng kiểu. Quần âu màu xanh hòa bình; nam có 01 túi sau. Mũ cùng màu và chất liệu với áo. Chất liệu hè thu: kate/cotton; đông xuân: kate/cotton/gabardine; quần: cotton/gabardine/kaki. In/thêu logo Trung tâm.

6. Nhân viên bảo vệ nam (02 bộ) - Điều 12

Áo hè thu màu ghi hoặc xanh cô ban sẫm hoặc xanh đen, chất liệu kate/cotton, ngắn tay, có nẹp cầu vai, tay lơ vê, 02 túi có nắp, khuy cài biển tên ở ngực trái. Áo đông xuân cùng màu, dài tay, chất liệu kate/cotton/gabardine. Quần kaki cùng màu áo, kiểu quần âu 02 ly, có 01 túi sau. Mũ kiểu kê-pi cùng màu áo. In/thêu logo Trung tâm.

7. Lái xe nam (02 bộ) - Điều 13 hoặc Điều 16

Chỉ áp dụng Điều 13 nếu người được cấp là lái xe ô tô cấp cứu: áo bu đông màu xanh đen; hè thu ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 02 túi có nắp, khuy cài biển tên ở ngực trái; đông xuân dài tay cùng kiểu. Quần màu xanh đen, chất liệu cotton/gabardine/kaki, kiểu quần âu 02 ly, có 01 túi sau. In/thêu logo Trung tâm.

8. Kỹ sư, nhân viên kỹ thuật điện, nước, thiết bị y tế (02 bộ) - Điều 13 hoặc Điều 16

Đối với kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì thuộc phạm vi Điều 13: áo bu đông màu xanh đen; hè thu ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 02 túi có nắp, khuy cài biển tên ở ngực trái; đông xuân dài tay cùng kiểu. Quần màu xanh đen, chất liệu cotton/gabardine/kaki, kiểu quần âu 02 ly, có 01 túi sau; áo khoác theo khoản 4 Điều 13 nếu được xác định cần thiết. In/thêu logo Trung tâm.

9. Hành chính nữ (37 bộ) - Điều 11

Áo sơ mi màu sáng, dài tay hoặc ngắn tay, chất liệu kate/cotton hoặc vải có chứa cotton, thành phần co giãn. Quần hoặc chân váy màu sẫm, chất liệu phù hợp; chân váy kiểu jupe, dài tối thiểu ngang gối. Trung tâm lựa chọn màu sắc thống nhất. In/thêu logo Trung tâm.

10. Hành chính nam (18 bộ) - Điều 11

Áo sơ mi màu sáng, dài tay hoặc ngắn tay, chất liệu kate/cotton hoặc vải có chứa cotton, thành phần co giãn. Quần âu màu sẫm, kiểu 02 ly, 02 túi chéo, nam có 01 túi sau; chất liệu phù hợp. Trung tâm lựa chọn màu sắc thống nhất. In/thêu logo Trung tâm.

*** Yêu cầu chung về đo may và hoàn thiện**

- Nhà cung cấp tổ chức đo số đo trực tiếp tại Trung tâm theo danh sách được cung cấp; bảo mật thông tin cá nhân, không sử dụng danh sách ngoài mục đích thực hiện hợp đồng.
- Có mẫu vải/mẫu may để Trung tâm xem xét trước khi may hàng loạt; chỉ sản xuất hàng loạt sau khi Trung tâm xác nhận mẫu, màu sắc, logo và quy cách.
- Có trách nhiệm thử trang phục, chỉnh sửa sai số đo hoặc lỗi kỹ thuật thuộc trách nhiệm nhà cung cấp trước khi nghiệm thu; giao đủ số lượng, đúng người/đúng size theo danh sách được duyệt.
- Logo chỉ thực hiện đối với các nhóm 1 đến 7 theo danh mục Quyết định 578; vị trí, kích thước và mẫu logo sẽ do Trung tâm xác nhận bằng văn bản trước sản xuất.
- Biển tên cá nhân, giày/dép và áo khoác chưa được xác định trong danh mục/số lượng Quyết định 578 không được tự động tính vào giá gói; nếu phát sinh nhu cầu phải được Trung tâm phê duyệt riêng.

PHỤ LỤC 02

MẪU BẢNG BÁO GIÁ TRANG PHỤC Y TẾ

(Nhà cung cấp có thể sử dụng mẫu báo giá riêng nhưng phải thể hiện đầy đủ các thông tin dưới đây)

Tên đơn vị báo giá: .....

Mã số thuế: ..... Địa chỉ: .....

Người đại diện: ..... Điện thoại/email: .....

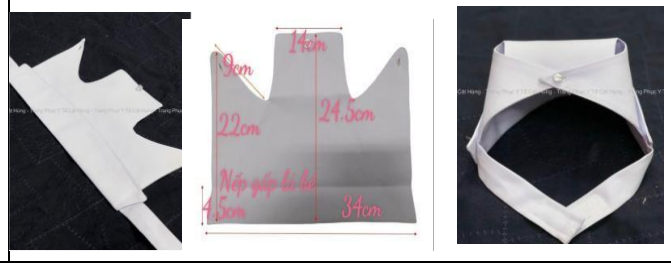
Báo giá cho Trung tâm Y tế Hoài Nhơn như sau:

STT	Nhóm trang phục	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú

1	Trang phục bác sĩ nam, nữ; kèm mũ và in logo Trung tâm	- Áo: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo blouse, cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 164,1 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 276 (±1) x 276 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 65,9 (±1); Cotton : 34,1 (±1). - Quần: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải : Khối lượng vải (G/M^2): 278,5 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 456 (±1) x 284 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu - cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 78,5 (±1); Rayon : 21,5 (±1). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 247,3 (±1); Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 460 (±1), Ngang 337(±1); Độ bền màu giặt ở 40^OC: Phai màu cấp 4-5; Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)(Dọc x ngang): -1,1 (±0,1) x -0,1 (±0,1); Định lượng nguyên liệu: Polyester: 75,6% (±1); Rayon: 21,9%(±1); Spandex:2,5 %(±1) + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - May đo theo size (thực tế) - In logo bệnh viện	28			

2	Trang phục dược sĩ nam, nữ; kèm mũ và in logo Trung tâm	- Áo: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông.. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M2): Khối lượng vải (G/M^2): 164,1 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 276 (±1) x 276 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 65,9 (±1); Cotton : 34,1 (±1). - Quần: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải : Khối lượng vải (G/M^2): 278,5 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 456 (±1) x 284 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu - cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 78,5 (±1); Rayon : 21,5 (±1). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 247,3 (±1); Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 460 (±1), Ngang 337(±1); Độ bền màu giặt ở 40^OC: Phai màu cấp 4-5; Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)(Dọc x ngang): -1,1 (±0,1) x -0,1 (±0,1); Định lượng nguyên liệu: Polyester: 75,6% (±1); Rayon: 21,9%(±1); Spandex:2,5 %(±1) + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - May đo theo size (thực tế) - In logo bệnh viện	10			

3	Trang phục điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ nam, nữ; kèm mũ và in logo Trung tâm	- Áo: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 164,1 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 276 (±1) x 276 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 65,9 (±1); Cotton : 34,1 (±1) - Quần: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải : Khối lượng vải (G/M^2): 278,5 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 456 (±1) x 284 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu - cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 78,5 (±1); Rayon : 21,5 (±1). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 247,3 (±1); Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 460 (±1), Ngang 337(±1); Độ bền màu giặt ở 40^OC: Phai màu cấp 4-5; Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)(Dọc x ngang): -1,1 (±0,1) x -0,1 (±0,1); Định lượng nguyên liệu: Polyester: 75,6% (±1); Rayon: 21,9%(±1); Spandex:2,5 %(±1) + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.	50			

		- Áo liền váy (nữ): Ngoài trang phục áo, quần quy định điều dưỡng viên, hộ sinh viên nữ còn có thể được trang bị áo liền váy. + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kaki Thun + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 247,3 (±1); Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 460 (±1), Ngang 337(±1); Độ bền màu giặt ở 40^OC: Phai màu cấp 4-5; Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)(Dọc x ngang): -1,1 (±0,1) x -0,1 (±0,1); Định lượng nguyên liệu: Polyester: 75,6% (±1); Rayon: 21,9%(±1); Spandex:2,5 %(±1) - Kiểu dáng: Áo liền váy cổ 2 ve, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài váy quá gối 5 cm đến 10cm, phía trước có 2 túi phía dưới, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Túi áo liền váy, tay áo liền váy và cổ áo liền váy có viền xanh dương, kích thước viền rộng 0,5 cm. - Nón: Nón của nữ kiểu 3 lá *(mẫu đính kèm).* Yêu cầu kỹ thuật nón (mũ) ba lá của Điều dưỡng: - Chất liệu: Vải theo màu áo, ép côn, có quai dán 2 bên kích thước dài 16cm x rộng 2cm. Có miếng dán dài 7cm. - Kích thước và mẫu mũ như sau:  -May đo theo size (thực tế) -In logo bệnh viện				

4	Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân làm việc chuyên môn tại khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng; kèm mũ và in logo Trung tâm	- Áo: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 164,1 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 276 (±1) x 276 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 65,9 (±1); Cotton : 34,1 (±1). - Quần: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải : Khối lượng vải (G/M^2): 278,5 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 456 (±1) x 284 (±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu - cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester 78,5 (±1); Rayon : 21,5 (±1) + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 247,3 (±1); Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 460 (±1), Ngang 337(±1); Độ bền màu giặt ở 40^OC: Phai màu cấp 4-5; Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)(Dọc x ngang): -1,1 (±0,1) x -0,1 (±0,1); Định lượng nguyên liệu: Polyester: 75,6% (±1); Rayon: 21,9%(±1); Spandex: 2,5 %(±1) + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - May đo theo size (thực tế) - In logo bệnh viện	41			

5	Trang phục hộ lý; kèm mũ và in logo Trung tâm	- Áo: + Màu sắc: Màu xanh hòa bình. + Chất liệu: Vải kate ford + Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo qua mông; phía trước 2 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 166,3 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272(±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu - cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65,7 (±1); Cotton: 34,3% (±1). - Quần + Màu sắc: Màu xanh hòa bình. + Chất liệu: Vải kate ford + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 166,3 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272(±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu - cấp): 4-5. định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65,7 (±1); Cotton: 34,3% (±1). + Kiểu dáng: Quần lưng thun. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - May đo theo size (thực tế) - In logo bệnh viện	12			

6	Trang phục nhân viên bảo vệ nam; kèm mũ và in logo Trung tâm	- Áo: + Màu sắc: Màu ghi. + Chất liệu: Vải Kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 153,1 (±1); Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 252(±1) x chiều ngang 267(±1); Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc -0,9(±0,1); Ngang -0,7(±0,1);Độ bền màu ở 40^{o}C (cấp): Phai màu cấp 4-5; Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 65,9(±1) % ; cotton 34,1(±1) %. + Kiểu dáng: Áo cổ đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, ngắn tay hoặc dài tay, tay lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài trên ve cổ áo. - Quần: + Màu sắc: Màu xanh đen + Chất liệu: Vải kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 288,5 (±1); Mật độ vải (sợi/10cm): Chiều dọc: 720 (±1); Chiều ngang: 376 (±1); Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5; Định lượng và định tính (%): Polyester: 71,0 (±1)%; Rayon: 29,0 (±1)%. + Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Nón bảo vệ: Kiểu kê pi, theo chất liệu kaki màu xanh đậm (mẫu đính kèm). - Kèm 02 ve áo và 02 cầu đai áo (mẫu kèm theo). - May đo theo size (thực tế) - In logo bệnh viện  	2			

7	Trang phục lái xe nam; kèm mũ và in logo Trung tâm	-Áo: + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Vải kate ford + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M2): 171,1 (±1); Mật độ vải (sợi/10cm): Chiều dọc: 280 (±1); Chiều ngang: 276 (±1); Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5; Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 67,0 (±1)%; Cotton: 33,0 (±1)%. + Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. -Quần: + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Vải kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 288,5 (±1); Mật độ vải (sợi/10cm): Chiều dọc: 720 (±1); Chiều ngang: 376 (±1); Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5; Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 71,0 (±1)%; Rayon: 29,0 (±1)%. + Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 02 túi chéo, 1 túi sau. - May đo theo size (thực tế). - In logo bệnh viện	2			

8	Trang phục kỹ sư, nhân viên kỹ thuật điện, nước, thiết bị y tế	Áo: + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Vải kate ford + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M2): 171,1 (±1); Mật độ vải (sợi/10cm): Chiều dọc: 280 (±1); Chiều ngang: 276 (±1); Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5; Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 67,0 (±1)%; Cotton: 33,0 (±1)%. + Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Thêu Họ và tên của nhân viên phía trên ngực trái. Quần: + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Vải kaki. + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 288,5 (±1); Mật độ vải (sợi/10cm): Chiều dọc: 720 (±1); Chiều ngang: 376 (±1); Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5; Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 71,0 (±1)%; Rayon: 29,0 (±1)%. + Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 02 túi chéo, 1 túi sau. - May đo theo size (thực tế).	2			

9	Trang phục hành chính nữ (áo sơ mi và chân váy hoặc quần âu dài)	-Áo: + Màu sắc: màu trắng hoặc xanh dương + Chất liệu: Kate Bamboo + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M2): 115,9 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 372(±1) x 304(±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester : 79,6 (±1)%; Rayon: 20,4 (±1) %; + Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Quần/chân váy + Màu sắc: Màu màu đen hoặc xanh đen + Chất liệu: Tuyết mưa. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 250 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 450(±1) x 330(±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester : 73,2 (±1)%; Rayon: 23(±1) %; Spandex: 3,8(±1) % + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo. Váy chữ A, chiều dài qua gối, xẻ giữa phía sau từ 10 cm đến 12 cm, 2 túi chéo phía trước. - May đo theo size (thực tế).	37			

10	Trang phục hành chính nam (áo sơ mi và quần âu dài)	- Áo: + Màu sắc: màu trắng hoặc xanh dương + Chất liệu: Kate Bamboo + Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M2): 115,9 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 372(±1) x 304(±1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : Polyester : 79,6 (±1)%; Rayon: 20,4 (±1) %; + Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, tà lật. - Quần: + Màu sắc: màu đen hoặc xanh đen + Chất liệu: Selen. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 261,8 (±1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 536 (±1) x 324 (±1).). Độ bền xé rách (N) : Dọc 73,8 (±1); Ngang 52,5 (±1). Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -1,2 (±0,1); Ngang -0,2(±0,1). + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. - May đo theo size (thực tế)	18			

Đề nghị nhà cung cấp lập thêm bảng tổng hợp giá:

Tổng giá trị trước thuế (đồng)	.....
Thuế GTGT: thuế suất ....%; tiền thuế (đồng)	.....
Tổng giá trị sau thuế (đồng)	.....
Cơ sở tính tổng giá trị (cơ cấu nam/nữ, phương án chân váy/quần, size)	.....

Chi phí đo may, thử, chỉnh sửa, in/thêu logo, đóng gói, vận chuyển	Đã bao gồm / Chưa bao gồm (nêu rõ)
Thời gian đo may và giao hàng	.....
Hiệu lực báo giá	Từ ngày ..... đến ngày .....
Điều kiện bảo hành/sửa lỗi	.....
Phụ thu cỡ số đặc biệt (nếu có)	.....

Cam kết của đơn vị báo giá:

- Thông tin, giá và tài liệu cung cấp là trung thực; hàng hóa dự kiến cung cấp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy định pháp luật có liên quan.

- Đơn giá đã kê khai rõ các chi phí, thuế và khoản phụ thu; không phát sinh chi phí ngoài báo giá nếu không được Trung tâm chấp thuận bằng văn bản.

- Sẵn sàng phối hợp khảo sát, đo may, cung cấp mẫu vải/mẫu trang phục và giải trình các nội dung của báo giá khi Trung tâm yêu cầu.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)